

HỘI NHẬP VIỆT NAM – ASEAN TIẾN TRÌNH VÀ HIỆN TRẠNG (1967 – 2002)

Vũ Dương Ninh^(*)

Bài báo này là phần tóm tắt một chương trích từ công trình nghiên cứu *Hội nhập Việt Nam – ASEAN, tiến trình, hiện trạng và những vấn đề đặt ra*, mã số QG.TĐ. 00 02, đã được nghiệm thu (tháng 6/2002).

Chương này phân tích quan hệ Việt Nam – ASEAN qua 2 giai đoạn lớn là từ khi thành lập ASEAN cho đến khi Việt Nam gia nhập Hiệp hội (1967-1995) và hoạt động của Việt Nam trong ASEAN với tư cách là thành viên chính thức (1995-đến nay). Từ đó nêu lên một vài vấn đề đặt ra và kiến nghị về giải pháp.

1. Giai đoạn thứ nhất: 1967-1995

Đến năm 1967, ASEAN ra đời bao gồm 5 nước thành viên là Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan. Thực tế cho thấy các nước Đông Nam Á (ĐNA) tham gia ASEAN khi đó phải đối mặt với tình huống rất khó khăn và phức tạp do chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Jusuf Wanandi – học giả thuộc Trung tâm nghiên cứu chiến lược và quốc tế ở Giacarta (Indônêxia) nhận xét: “Sự ra đời của ASEAN cũng có thể xem là phản ứng đối với cuộc chiến tranh Việt Nam chưa có hồi kết, và là nhu cầu của các quốc gia ĐNA không cộng sản cùng nhau đối mặt với khả năng rút quân của Mỹ khỏi khu vực”.

Do vậy, có thể nói về thực chất, ASEAN là sản phẩm được tạo nên bởi một số nước ĐNA vào thời điểm nóng bỏng ở khu vực trong bối cảnh chiến tranh lạnh trên thế giới. Việt Nam là một nhân tố khách quan tác động đến (ngoài ý muốn chủ quan của ta) việc thành lập tổ chức này và Việt Nam chính là đối tượng chủ yếu được tính đến trong cách hành xử của ASEAN suốt một thời gian không ngắn.

Qua mối quan hệ Việt Nam – ASEAN trong 28 năm (1967-1995), có thể nêu lên 4 nhận xét sau đây:

Một, sự ra đời của ASEAN là sản phẩm của thời kỳ chiến tranh lạnh ở khu vực ĐNA. Nó phản ánh mâu thuẫn giữa phong trào giải phóng dân tộc với chủ nghĩa đế quốc, đồng thời phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe XHCN và TBCN trong phạm vi

^(*) GS. Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

khu vực. Nó không diễn ra một cách đơn giản, một chiều bởi vì trong các nước ASEAN, mức độ dính líu với chủ nghĩa đế quốc không giống nhau và động cơ muốn thoát khỏi sự ràng buộc với chủ nghĩa đế quốc cũng khác nhau. Ngay trong phong trào cách mạng ở Đông Dương, sau khi đế quốc Mỹ phải rút khỏi ĐNA lại bộc lộ mâu thuẫn giữa các quốc gia do Đảng Cộng sản cầm quyền ở Trung Quốc, Campuchia với Việt Nam qua việc giải phóng Campuchia khỏi ách thống trị của chế độ diệt chủng Khmer Đỏ và cuộc xung đột biên giới phía Bắc nước ta năm 1979. Thời kỳ căng thẳng đối đầu ở ĐNA giữa lực lượng cách mạng Đông Dương với các nước ASEAN được Mỹ và Trung Quốc hậu thuẫn diễn ra hết sức gay gắt trong nửa đầu thập niên 80.

Hai, xu hướng hoà hoãn giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ có ảnh hưởng chung đến tình hình thế giới. Ở ĐNA, do nhu cầu ổn định để phát triển, các nước thuộc 2 khối ASEAN và Đông Dương đều muốn đi đến hoà bình, an ninh mà cái nút của vấn đề là tình hình Campuchia. Sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tình hình ĐNA được cải thiện, các bên xích lại gần nhau dẫn tới việc Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali (7/1992). Sự kiện này chính thức mở ra thời kỳ chuẩn bị gia nhập của Việt Nam vào ASEAN và kết quả của nó là lễ kết nạp Việt Nam vào ASEAN tháng 7/1995 tại thủ đô Brunây.

Ba, trong khoảng thời gian 1967-1995, quan hệ Việt Nam-ASEAN chuyển biến qua nhiều giai đoạn, khi căng thẳng, khi hoà hoãn. Đặc biệt từ nửa sau những năm 80 và nửa đầu những năm 90, mối quan hệ này dần dần chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Có nhiều nhân tố tác động vào sự phát triển của mối quan hệ này, trong đó, về phía nước ta, yếu tố có tính quyết định là đường lối Đổi mới nói chung và Đổi mới trong quan hệ đối ngoại nói riêng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với sự vận dụng linh hoạt và có nguyên tắc đường lối Đổi mới, chúng ta đã cải thiện cơ bản quan hệ trong khu vực cũng như trên phạm vi thế giới. Nhờ đó, ta có thể vượt qua nhiều khó khăn trước những biến động của tình hình CNXH ở châu Âu, phá vỡ tình trạng bị cô lập hồi đầu những năm 80 và hội nhập một cách cẩn trọng vào khu vực và thế giới. Những thành tựu này tạo nên cơ sở vững chắc cho quá trình hội nhập tiếp theo trên phạm vi quốc tế.

Bốn, với các nước ASEAN, điều quan trọng là tìm ra những điểm gặp gỡ về lợi ích giữa các quốc gia trong việc xây dựng một khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Những sự khác biệt, một mặt làm phong phú sự phát triển theo phương châm “thống nhất trong đa dạng”, mặt khác không tránh khỏi nảy sinh mâu thuẫn về chủ quyền và lợi ích. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy khi các nước trong khu vực nhìn thấy những lợi ích chung cơ bản và lâu dài, đi đúng xu thế của thời đại toàn cầu hoá và khu vực hoá thì có thể từng bước giải quyết những cách trở trên tinh thần tôn trọng và thiện chí để đạt tới mục đích cao hơn và xa hơn là xây dựng ĐNA thành một khu vực hoà bình, phát triển và thịnh vượng; đoàn kết các dân tộc ĐNA trong Hiệp hội tiến tới sự hoà hợp, thân hữu, tương trợ và hợp tác. Với ý nghĩa đó, việc Việt Nam gia nhập ASEAN đánh dấu một giai đoạn mới trong sự phát triển của ASEAN trong những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI.

2. Giai đoạn thứ hai: từ 1995 đến nay

Sau khi trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động của Hiệp hội: tham dự Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ V tại Băngcôc tháng 12/1995, tham dự Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM) lần đầu tiên tại Thái Lan tháng 3/1996 (tiếp đó là ASEM 2 năm 1998 ở Anh và ASEM 3 năm 2000 ở Hàn Quốc). Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ VI vào tháng 12/1998, một trong những hội nghị cấp cao có tầm quan trọng đặc biệt trong lịch sử phát triển của ASEAN. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Hà Nội, Chương trình Hành động Hà Nội và nhiều văn kiện quan trọng khác nhằm hiện thực hóa "Tầm nhìn ASEAN năm 2020". Tại Hội nghị này, các nhà lãnh đạo các nước ASEAN đã nhất trí kết nạp Campuchia làm thành viên thứ 10 của Hiệp hội, hoàn thành kế hoạch mở rộng tổ chức ra toàn khu vực. Thành công của Hội nghị Thượng đỉnh VI khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của nước ta ở Đông Nam Á.

Tiếp sau đó, Việt Nam được cử giữ chức Chủ tịch Ban thường trực ASEAN (ASC) và Chủ tịch ARF nhiệm kỳ 2000-2001, tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao AMM 34 và Hội nghị ARF 8 vào tháng 7/2001. Qua những hoạt động trên, Việt Nam đã thể hiện khả năng tập hợp và góp phần dàn xếp tốt những vấn đề nội bộ của Hiệp hội, cùng các nước thành viên đóng góp vào sự lớn mạnh của ASEAN, nâng cao vị thế của ASEAN cũng như của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhìn lại quá trình hội nhập của Việt Nam với tư cách thành viên ASEAN trong giai đoạn này, có thể rút ra mấy nhận xét sau :

Thứ nhất, sự hội nhập của Việt Nam vào ASEAN đã diễn ra khá thuận lợi, được sự đồng thuận của 6 nước thành viên và sự hưởng ứng của dư luận thế giới. Sự đóng góp của Việt Nam vào quá trình phát triển của ASEAN ở thời kỳ hậu chiến tranh lạnh luôn luôn tương thích với vị trí của Việt Nam trong Hiệp hội. Từ sau khi đã trở thành viên thứ 7 của ASEAN, nước ta không chỉ giữ vững cam kết của mình mà còn tích cực, chủ động đưa ra nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực.

Thứ hai, sự hội nhập của Việt Nam vào ASEAN trong những năm qua cho thấy trong bối cảnh quốc tế hiện nay, sự khác biệt về chế độ chính trị và hệ tư tưởng, nếu biết xử lý một cách đúng đắn thì đó không phải là trở ngại không thể vượt qua cho quá trình liên kết khu vực. Điều này không chỉ do ASEAN có một cơ chế tổ chức linh hoạt có khả năng dung nạp tất cả các nước ĐNA mà quan trọng hơn là do Việt Nam và các nước ASEAN cùng có nhiều lợi ích chung trong một ĐNA hoà bình, ổn định và phát triển. Tất cả các nước ĐNA đều có mối quan tâm chung về một môi trường ổn định khu vực thuận lợi cho việc bảo đảm quyền dân tộc tự chủ, vẹn toàn lãnh thổ và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống theo những phương hướng của **Tầm nhìn 2020** đã đề ra. Tất cả các nước ĐNA đều có những vấn đề chung cần hợp sức giải quyết như xoá đói giảm nghèo, ngăn chặn các tệ nạn như buôn lậu, cướp biển, cháy rừng, ma tuý, phòng ngừa các loại bệnh tật và tệ nạn xã hội. Tất cả các nước ĐNA đều phải

cảnh giác trước nguy cơ mất an ninh do những hoạt động phá hoại từ bên trong và bên ngoài gây nên những cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, nạn bắt cóc và khủng bố. Sự nỗ lực của từng quốc gia riêng biệt chỉ được nhân lên khi tạo thành sự nỗ lực chung của toàn Hiệp hội. Do vậy, sự liên kết giữa các nước thành viên là yêu cầu khách quan, đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia.

Thứ ba, việc Việt Nam gia nhập ASEAN và sau đó là việc mở rộng tổ chức thành ASEAN 10 đã làm tăng sức mạnh tập thể, làm cho tiếng nói của ASEAN trên trường quốc tế thêm tăng trọng lượng. Với sự đồng tâm nhất trí của mình, ASEAN đã tạo được niềm tin với các đối tác bên ngoài, nhờ vậy đã tổ chức thành công các cuộc gặp gỡ ARF, ASEM và góp phần tích cực vào APEC; đã đề xuất nhiều sáng kiến bảo vệ hoà bình, an ninh trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời nhiều nước ASEAN cũng nhận được sự viện trợ và đầu tư của các nước lớn và của các tổ chức quốc tế. Vị thế của ASEAN được nâng lên rõ rệt trong quan hệ với thế giới.

Với nỗ lực của mình, sự đóng góp vào những thành tựu chung của ASEAN đã nâng cao vị thế của Việt Nam trước con mắt của bạn bè quốc tế. Sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động đối ngoại của Hiệp hội, có vị trí trong các hoạt động của ARF, ASEM và được kết nạp vào APEC. Việt Nam đã mở rộng quan hệ chính trị, kinh tế và văn hoá với tất cả các nước lớn, các tổ chức khu vực và hầu hết các quốc gia trên thế giới. Các vị nguyên thủ các cường quốc đều đã đến thăm Việt Nam, bày tỏ tình cảm thân hữu và thiện chí hợp tác. Quan hệ Việt Trung và Việt Nga được tăng cường và mở rộng, Hiệp định thương mại Việt Mỹ được ký kết là những biểu hiện nổi bật của thành tựu đối ngoại của Nhà nước ta. Việc gia nhập WTO đang trên tiến trình chuẩn bị với nhiều hứa hẹn. Những kết quả đó đưa Việt Nam bước vào thế kỷ mới với những bước đi tự tin hơn, vững vàng hơn.

Thứ tư, tuy vậy, mỗi bước phát triển bao giờ cũng đặt ra những vấn đề mới, những thách thức mới. Nguồn gốc của những khó khăn, một mặt bắt nguồn từ căn nguyên lịch sử của thời chiến tranh lạnh kéo dài không dễ gì khắc phục trong một sớm một chiều; mặt khác, mới bộc lộ do sự chênh lệch về trình độ phát triển và kinh nghiệm làm ăn. Sự phát huy nội lực với ý chí vươn lên mạnh mẽ cùng sự tận dụng ngoại viện sẽ làm cho bước phát triển vững chắc và hiệu quả. Nó đòi hỏi phải tiếp tục củng cố sự đồng thuận trong nội bộ ASEAN, tăng cường gìn giữ hoà bình, an ninh chính trị và ổn định ở ĐNÁ, đẩy mạnh hội nhập kinh tế khu vực và mở rộng mối quan hệ quốc tế.

3. Kết luận: Một vài vấn đề đặt ra

a) Cần có một dự báo khoa học về tương lai của ASEAN

ASEAN chỉ nên là *một tổ chức liên kết các quốc gia trong khu vực* theo nghĩa Hiệp hội (association) nhằm những mục tiêu chung trên cơ sở tôn trọng những lợi ích

và truyền thống của các quốc gia riêng biệt chứ không phải là một Liên hiệp thống nhất (union) như trường hợp EU.

Trong môi quan hệ mở rộng với nhiều đối tác có tiềm lực kinh tế mạnh và địa vị chính trị lớn thì điều thách đố đối với ASEAN là phải đứng vững trên tư thế của mình, với thực lực của mình mà không dễ bị phụ thuộc, bị chìm đi giữa các thế lực lớn trên chính trường quốc tế. Điều này không chỉ đòi hỏi một sức mạnh kinh tế hùng hậu mà còn cần đến chiến lược chính trị đúng đắn và sách lược ứng phó linh hoạt.

Vấn đề đặt ra là với những đặc điểm của riêng mình, Việt Nam cần *hoạch định một chiến lược hội nhập tương đối dài hơi và dự liệu những biện pháp thích ứng* với những tình huống có thể xảy ra để xử lý có hiệu quả.

b) Cần định ra đối sách thích hợp với từng thành viên ASEAN, đặc biệt đối với Lào và Campuchia

Trong quá trình khôi phục quan hệ với 6 nước ASEAN cũ, chúng ta đã đề ra nhiều đối sách thích hợp, phát huy những mặt tương đồng cùng có lợi, hạn chế tác dụng tiêu cực của những mặt khác biệt, tranh thủ cơ hội để tăng cường hội nhập, đặc biệt về kinh tế.

Với Lào và Campuchia, Việt Nam một mặt phát huy mối quan hệ truyền thống vì mục tiêu an ninh chính trị là chính, mặt khác cố gắng đầu tư và viện trợ trong khả năng cho phép để có một vị thế nhất định trong sự phát triển của các nước bạn. Năng lực kinh tế của Việt Nam là một điểm yếu so với nhiều nước đầu tư ở đây nên không thể theo đuổi mục tiêu lợi nhuận thuần túy mà khi cần thiết, nên có chính sách mềm dẻo để duy trì mối quan hệ tốt về an ninh chính trị. Quan hệ với Campuchia cũng có nhiều điểm khác với Lào. Sự yên ổn của hai nước Đông Dương này có ảnh hưởng trực tiếp đối với an ninh và ổn định nước nhà.

c) Kiên trì nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp, giữ vững thế cân bằng trong quan hệ đối ngoại

Điều cần nhấn mạnh là mặc dầu Tuyên bố Băngcôc 1967 nêu lên mục tiêu của ASEAN nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội nhưng hoạt động thực tế của Hiệp hội từ khi ra đời đến nay vẫn lấy vấn đề chính trị làm mục tiêu hàng đầu. Tuyên bố ZOPFAN 1971 và Hiệp ước Bali 1976 cũng như hoạt động của ASEAN trong thập niên 70-80 đều nhằm vào việc tạo lập nền hoà bình, an ninh và ổn định trong khu vực. Sau khi kết thúc chiến tranh lạnh và giải quyết xong vấn đề Campuchia, ASEAN chú trọng hơn đến sự phát triển kinh tế với quyết định thành lập AFTA nhưng trên thực tế, hoạt động của nó vẫn theo đuổi mục tiêu hoà bình và an ninh với sự ra đời và hoạt động của ARF, với lời kêu gọi thiết lập một DNA không có vũ khí hạt nhân (SEANFWZ). Từ sau cuộc khủng hoảng tiền tệ 1997, vấn đề chính trị lại nổi lên ở một số nước với xu hướng ly khai, hoạt động khủng bố, xung đột tôn giáo và sắc tộc. Đốm lửa từ một vùng, một địa phương rất có thể bùng ra trên phạm vi rộng lớn trong một

nước, trong toàn khu vực. Nhất là ĐNA là một trung tâm lớn của Hồi giáo, nhiều nước nơi đây có thái độ thận trọng sau sự kiện 11/9/2001, song nguy cơ bùng phát nạn khủng bố cũng như sự lan rộng của “chiến tranh chống khủng bố” vẫn có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào. Do vậy, *gìn giữ hoà bình, an ninh và ổn định khu vực vẫn là mẫu số chung nối kết các quốc gia thành viên*. Lợi ích lớn lao đó thúc đẩy các nước có thể đi tới sự nhất trí cao trước những vấn đề đặt ra.

Các nước ASEAN đã cố gắng rất lớn để duy trì nền hoà bình thông qua các cuộc họp ARF, qua việc soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông, qua việc mở cửa với các đối tác.

Tuy nhiên, những biến động trong khu vực dẫn tới xung đột vũ trang vẫn là một khả năng tiềm ẩn. Việt Nam nằm ở vùng ĐNA, đồng thời trong vành đai Tây Thái Bình Dương, có lợi ích thiết thân trên mọi phương diện, có mối quan hệ với tất cả các nước trong khu vực và các nước lớn. Để *gìn giữ hoà bình và ổn định, cần thực hiện chính sách cân bằng giữa các nước*, đặc biệt giữa các nước lớn có lợi ích liên quan đến khu vực.

Ngày nay, trong bối cảnh nóng bỏng trên nhiều khu vực với những ý đồ ngày càng rõ nét của các nước lớn, việc kiên trì theo đuổi đường lối hoà bình và chính sách đối ngoại vừa cảnh giác, vừa giữ thế cân bằng giữa các lực lượng quốc tế là cách đi ít nguy hiểm nhất để bảo vệ hoà bình, an ninh và ổn định trong nước cũng như trong khu vực.

d) Thúc đẩy sự chủ động hội nhập kinh tế khu vực

Hội nhập kinh tế dù mức độ khác nhau đều bao hàm hai mặt vừa hợp tác, vừa cạnh tranh. Các nước ASEAN quyết định thành lập AFTA/CEPT có lợi ích riêng trong lợi ích chung do AFTA đem lại. Lợi ích riêng phụ thuộc vào sức mạnh cạnh tranh của từng nền kinh tế và lợi ích chung tùy thuộc vào tinh thần đoàn kết, duy trì hoà bình ổn định và những cam kết đã thoả thuận. Tính tùy thuộc càng tăng giữa các quốc gia, giữa các nền kinh tế, thì yêu cầu bảo vệ lợi ích dân tộc càng lớn, cạnh tranh càng cao.

Khó khăn lớn nhất đối Việt Nam là làm thế nào có thể chủ động và tích cực tham gia vào dòng chảy hội nhập kinh tế khu vực và thế giới mà vẫn bảo vệ và phát huy hết lợi ích dân tộc, bản sắc riêng gắn liền với lợi ích khu vực. Trong quá trình hội nhập, Việt Nam có những lợi thế nhất định về tài nguyên, con người, tính năng động và chính sách đối ngoại đúng đắn. Để có thể hội nhập ASEAN một cách hiệu quả, tiến xa hơn nữa khi Việt Nam gia nhập WTO, nhất thiết phải vượt qua những thách thức, khó khăn trước mắt, có những biện pháp chính sách thích hợp và hiệu quả để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, biến thách thức thành cơ hội cho quá trình phát triển. Cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Bộ chính trị về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và nhiệm vụ cụ thể. Đồng thời, các nhà kinh tế, các doanh nhân cần có hiểu biết đầy đủ về những quy tắc và luật lệ của

ASEAN nói chung và từng đối tác nói riêng. Câu hỏi Bạn biết gì về các bạn hàng ASEAN trước khi đến làm ăn với họ, không phải đã được các nhà doanh nghiệp giải đáp trôi chảy. Như vậy, khi bước vào sân chơi khu vực cũng như thị trường quốc tế, sự kém hiểu biết sẽ buộc phải trả giá. Lời người xưa “Biết người, biết mình trăm trận đánh, trăm trận thắng” vẫn mang ý nghĩa thiết thực trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại ngày nay.

e) Tăng cường giao lưu về giáo dục và văn hoá

Phạm vi giáo dục và văn hoá rất rộng lớn, chúng tôi chỉ nêu một vài điểm cần lưu ý sau đây:

- Về vấn đề ngôn ngữ. Do nhiều điều kiện khách quan, việc dạy và học ngoại ngữ ở các trường của ta từ phổ thông đến đại học (trừ những trường chuyên ngữ) còn rất yếu. Thử làm một cuộc điều tra xã hội học xem trong số sinh viên tốt nghiệp đại học và ngay trong đội ngũ giảng viên đại học (trừ những trường chuyên ngữ), bao nhiêu phần trăm thực sự sử dụng thông thạo một ngoại ngữ vào chuyên môn của mình. Nếu không dùng ngoại ngữ thì làm sao có thể tiếp nhận thành quả nghiên cứu của thế giới, vận dụng vào bài giảng và công trình nghiên cứu của mình, để hiện đại hoá việc đào tạo?

Chúng ta coi trọng việc xuất khẩu lao động nhưng điều chưa thành công chính là chúng ta đã đưa ra nước ngoài một đội ngũ những người không nói được, không nghe được, do đó không hiểu người ta cần gì, mình phải làm gì và làm như thế nào. Chúng ta vẫn tự hào là người lao động Việt Nam cần cù, khéo tay, nắm bắt kỹ thuật nhanh nhưng khi họ ra nước ngoài với một vốn ngoại ngữ quá nghèo nàn thì làm sao phát huy được những ưu điểm đó? Vậy thì trong các trường trung học, trường dạy nghề, trường đại học *vấn đề dạy ngoại ngữ phải nằm trong một chiến lược tổng thể với cùng bậc khác nhau*, thích hợp với những đối tượng khác nhau. Đó chính là cách đầu tư có hiệu quả lâu dài để hội nhập cũng như để xuất khẩu lao động.

- Việc giao lưu văn hoá giữa các nước ASEAN là vô cùng quan trọng, trong đó, Việt Nam cần hiểu bạn hơn và làm cho bạn hiểu mình hơn. Cụ thể là cần biên soạn những tài liệu giới thiệu về ASEAN và các nước thành viên ASEAN để đọc, để nhớ, để hiểu để phổ biến rộng rãi trong xã hội

- Chúng ta không chỉ quan tâm đến việc học ngoại ngữ mà còn phải coi trọng việc phổ biến tiếng Việt và văn hoá Việt Nam ra bên ngoài. *Việc phổ biến tiếng Việt và văn hoá Việt Nam ra nước ngoài chưa được đặt ở tầm chiến lược*, chưa được quan tâm đúng mức. Hình ảnh về Việt Nam bị khúc xạ rất nhiều, tạo nên những trở ngại không đáng có trong sự giao lưu, hội nhập và liên kết khu vực

Trong tình hình như vậy, việc biên soạn tài liệu phổ thông về Việt Nam bằng tiếng nước ngoài để giới thiệu trong các nước ĐNA và thế giới là điều rất cần làm mà cho đến nay hầu như còn ít ỏi. Việc giới thiệu kết quả nghiên cứu của giới khoa học

Việt Nam bằng tiếng nước ngoài cũng sẽ làm tăng sự giao lưu văn hoá và khoa học trong khu vực. Đến nay, một vài tạp chí khoa học ở nước ta đã tính đến việc xuất bản hàng năm một số bằng tiếng nước ngoài, đó là việc làm có ý nghĩa thiết thực.

Chúng ta đang đứng trước một thời cơ rất thuận lợi cho việc giao lưu văn hoá, đó là việc tổ chức SEAGAMES 22 tại Việt Nam vào năm 2003. Sự chuẩn bị đang được tiến hành trong lĩnh vực tập luyện và xây dựng cơ sở hạ tầng, song một công việc không kém phần quan trọng là *sự chuẩn bị về mặt văn hoá*, làm cho nhân dân ta hiểu biết về các vị khách của mình (có nhiều nét rất khác biệt về mặt tôn giáo và phong tục), biết cách giao tiếp văn minh, lịch sự. Điều này cực kỳ cần thiết đối với các vận động viên ta vì họ là những người thường xuyên tiếp xúc với bạn, có điều kiện giới thiệu với bạn về đất nước và con người Việt Nam. Nhiều khi chỉ thông qua cách ứng xử của một cầu thủ Việt Nam mà bạn có thể hiểu đúng hoặc hiểu sai về chúng ta. Đôi khi chỉ vì một cuộc ganh đua không đúng nghĩa, một cử chỉ thiếu bình tĩnh mà làm sai lệch đi hình ảnh của chúng ta trong con mắt của bạn bè quốc tế. Đó chính là một nội dung của hoạt động *đối ngoại nhân dân*, một lĩnh vực mà Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. Nguyễn Đình Bin (chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*
3. Nguyễn Mạnh Cẩm, Trả lời phỏng vấn của *Tạp chí Việt Nam - Đông Nam Á* ngày nay, số 8 (1995).
4. Đại học Quốc gia Hà Nội (Đề tài QG.TĐ.00 02), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Quan hệ Việt Nam - ASEAN đa phương và song phương*, Hà Nội 7/2001 (Bản đánh máy).
5. Đại học Quốc gia Hà Nội (Đề tài QG.TĐ.00 02), *Kỷ yếu hội thảo khoa học Hội nhập Việt Nam - ASEAN trước thềm thế kỷ 21*, Hà Nội, 12/2000 (Bản đánh máy)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Các nghị quyết của Trung ương Đảng (1996-1999)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
8. Phan Văn Khải, Diễn văn khai mạc AMM-34 tại Hà Nội, *Báo Nhân dân* ngày 24/7/2001.
9. Nhiều tác giả, *A New ASEAN in A New Millenium*, CSIS & SIIA, 2000 .
10. Nguyễn Duy Quý, *Tiến tới một ASEAN hoà bình, ổn định và phát triển bền vững*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
11. Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Quốc gia, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Xây dựng ASEAN thành cộng đồng các quốc gia phát triển bền vững, đồng đều và hợp tác*, tổ chức tại Hà Nội 11/1998.

12. Trung tâm Khoa học Xã hội Nhân văn Quốc gia, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế ASEAN – Hôm nay và ngày mai*, tổ chức tại Hà Nội, 8/1997.
13. Rudolfo Severino, *Sovereignty, intervention and the ASEAN way*, Tham luận tại Hội nghị bàn tròn do Konrad Adenaur Foundation và Singaporean Institut of International Affairs tổ chức tại Singapore ngày 3/7/2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N^o2, 2002

VIETNAM-ASEAN INTEGRATION: THE PROGRESS AND THE STATE OF ART

Prof. Vu Duong Ninh

*Department of International Studies
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

This is the abstract of the research project (QG.TD.00 02): ***Vietnam – ASEAN Intergration: The Process. Present Situation and Problems***, which was evaluated and approved in June 2002.

This chapter analyzes Vietnam - ASEAN relations in two main phases: From ASEAN etablishment (1967) to Vietnam's admittance (1995) and from Vietnam's full membership (1995) up till now. The conclusion raises some questions aimed at futher promoting Vietnam – ASEAN ties in the time to come.